TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/DSST
Ngày 09/07/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Từ Tứ Hải

2/ - Ông Ngô Rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/ QĐXXST- DS ngày 17 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Chị Âu Thị Lệ T**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Văn M, sinh năm 1984 (chồng của chị Âu Thị Lệ T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ Đ, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Nguyên vào lúc buổi sáng ngày 26/11/2020 chị Âu Thị Lệ T có đến nhà tôi vay số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với tôi vào ngày 26/11/2020, mục đích chị T vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn cho vay là 01 tháng từ ngày 26/11/2020 đến ngày 26/12/2020, chị T hứa trả nợ cho tôi vào ngày 26/12/2020 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Đến buổi chiều ngày 26/11/2020, chị Âu Thị Lệ T tiếp tục đến nhà tôi vay thêm số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với tôi vào ngày 26/11/2020, mục đích chị T vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn cho vay là 03 tháng từ ngày 26/11/2020 đến ngày 26/02/2021, chị T hứa trả nợ cho tôi vào ngày 26/02/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi.

Đến nay thì chị T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc cho tôi mặc dù tôi có đến nhà chị T đòi nợ nhiều lần nhưng chị T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi như sau:

- Số tiền nợ gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/12/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

- Số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tôi yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/02/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn chị Âu Thị Lệ T trình bày: qua lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L, tôi thừa nhận nguyên vào buổi sáng ngày 26/11/2020, tôi có đến nhà chị L vay số tiền là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì tôi có làm biên nhận nợ với chị L vào ngày 26/11/2020, mục đích tôi vay tiền của chị L là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 01 tháng, tôi sẽ trả hết nợ gốc và lãi vào ngày 26/12/2021 cho chị L. Đến buổi chiều ngày 26/11/2020, tôi tiếp tục đến nhà chị L vay thêm số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa

thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì tôi có làm biên nhận nợ với chị L vào ngày 26/11/2020, mục đích tôi vay tiền của chị L là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 26/11/2020 đến ngày 26/02/2021, vào ngày 26/02/2021 tôi sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị L. Nhưng do làm ăn thất bại nên tôi không có tiền trả nợ cho chị L.

Nay tại phiên toà, tôi thừa nhận còn nợ chị L số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), số tiền nợ này tôi xin trả dần cho chị L mỗi năm là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2021 tôi trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho chị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M trình bày: anh Võ Văn M vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** anh Võ Văn M với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, anh M vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự, các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh M, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu

phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L với chị Âu Thị Lệ T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào buổi sáng ngày 26/11/2020, chị L có cho chị T vay số tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với chị L vào ngày 26/11/2020, thời hạn vay là 01 tháng, vào ngày 26/12/2020 chị T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị L. Tiếp tục đến buổi chiều ngày 26/11/2020, chị T vay thêm của chị L số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay thì chị T có làm biên nhận nợ với chị L vào ngày 26/11/2020, thời hạn vay là 03 tháng, vào ngày 26/02/2020 chị T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho chị L. Đến hạn trả nợ thì chị T không thực hiện việc trả nợ và chị L nhiều lần đến nhà chị T đòi nợ nhưng chị T chỉ hứa chứ không trả nợ cho chị L và được biết mục đích chị T vay tiền của chị L là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà chị T nợ chị L số tiền gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M.

Nay tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M phải trả hết nợ gốc số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của chị L phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 27/12/2020 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 09/07/2021 là 192 ngày cụ thể như sau: 250.000.000đ x 1,66% x 192 ngày = 26.560.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và số tiền lãi của khoản vay số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 09/07/2021 là 132 ngày cụ thể như sau: 50.000.000đ x 1,66% x 132 ngày = 3.652.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 330.212.000đ (ba trăm ba mươi triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn chị Âu Thị Lệ T thì chị T thừa nhận còn nợ của chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền gốc là 300.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Vì hiện nay chị T làm ăn thất bại và gặp khó khăn về kinh tế. Chị T xin trả nợ dần cho chị L mỗi năm là 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/12/2021 chị T trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho chị L. Lời yêu cầu của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của chị T thì chị L không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của chị T. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của chị Âu Thị Lệ T, buộc chị Âu Thị Lệ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị L số tiền gốc và lãi là 330.212.000đ (ba trăm ba mươi triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị L không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị L số tiền là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008384 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M phải nộp: 330.212.000đ x 5% = 16.510.600đ tính tròn là 16.511.000đ (mười sáu triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn chị Âu Thị Lệ T.

4/ Buộc chị Âu Thị Lệ T và anh Võ Văn M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền gốc và lãi là 330.212.000đ (ba trăm ba mươi triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị Âu Thị Lệ T và anh Võ Văn M không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc chị Âu Thị Lệ T, anh Võ Văn M nộp 16.511.000đ (mười sáu triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Ngọc L số tiền là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008384 ngày 19/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Ngọc L và chị Âu Thị Lệ T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Võ Văn M biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật